Bài 1. Ghép từ với nghĩa đúng

Nối mỗi từ tiếng Trung ở cột trái với nghĩa tiếng Việt ở cột phải.

1. 买	A. quả quýt
2. 卖	B. mua
3. 贵	C. tổng cộng
4. 一共	D. bán
5. 找	E. trả lại tiền thừa
6. 橘子	F. đắt

LIVEWORKSHEETS